

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC

(Đề kiểm tra có 02 trang)

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

(Lược dẫn: Gia đình anh chị Chuột gồm 4 miệng ăn đang ở trong hoàn cảnh nghèo đói phải vay tiền của bà Huyện để mua gạo, mua thuốc cho chồng ốm nặng. Chị đi Chuột phải nấu cơm và vờ bảo là chè để dỗ hai con ăn cho đỡ đói, dành cơm trắng cho anh đi Chuột mong anh mau hết bệnh. Khi nồi cơm được bê lên, lũ trẻ rất háo hức vì được ăn chè, nhưng được miếng thứ hai thì thằng cu bé không thể nuốt trôi và khóc òa lên. Còn cái Gái đã lớn nên hiểu chuyện, nó và chị đi Chuột vẫn cố ăn những bát cơm cho đỡ đói. Để dỗ thằng cu bé nín, chị đi Chuột liền bế nó vào chỗ anh đi Chuột đang nằm để hỏi han và xin chút cơm trắng cho thằng cu bé ăn. Anh đi Chuột biết vì sao nó khóc, cho nên khi chị đi Chuột vừa bế con ra để đi mua thuốc cho anh thì anh liền gọi cái Gái vào hỏi chuyện.)

[...] Người cha khốn nạn nhìn đứa con chòng chọc, thở dài. Một giọt lệ từ từ lăn xuống chiều.

- Thầy bảo gì con ạ?

- Lúc này mẹ con mày ăn cơm phải không?

Gái gượng cười cãi:

- Ăn chè đấy chứ.

Bố nó chép miệng:

- Khốn nạn, chè đâu mà ăn, cơm còn không có nữa là chè! Rõ mày khổ từ trong bụng mẹ...

Cái Gái cúi đầu xuống không nói. Anh đi Chuột thở dài:

- Con đi lấy cho thầy cái ghế buộc giậu¹ với sợi thừng ở gác bếp để thầy mắc lại cái võng, thế này cao quá.

Cái Gái lấy ghế và thừng vào. Anh đi bảo:

- Để đấy cho thầy rồi ra vườn làm cỏ đi.

Nó ra vườn, anh gượng ngồi dậy, xuống khỏi giường, mon men ra đóng chặt cửa buồng lại. Anh lấy cái thừng, làm một cái tròng chắc chắn, dùng hết sức tàn còn lại, trèo lên ghế, hai chân khằng khiu run lấy bầy. Anh buộc cẩn thận một đầu dây lên xà nhà, buộc xong, mệt quá, anh đu vào cái thừng, gục đầu xuống thở. Anh thấy lòng chua xót, nước mắt giàn ra hai má lồm. Rồi anh quả quyết, anh đứng thẳng người lên, chui đầu vào tròng, cái thừng cứng cáp cọ vào cổ làm anh rùng mình, khóc nức lên một tiếng. Cả cái thân hình mảnh dẻ bắt đầu rung chuyển như một tàu lá run trước gió. Bỗng anh ngừng bật, ngậy người ra nghe ngóng. Tiếng ai vừa gọi ngoài ngõ, tiếp đến cái Gái thưa và chạy ra, tiếng người kia the thé:

- Bu² mày đâu?

Tiếng cái Gái rụt rè đáp lại:

- Bẩm bà, bu con đi vắng.

¹ giậu: hàng rào

² bu: mẹ (cách gọi mẹ ngày xưa)

- Đi vắng! Đi vắng mãi! Mày về bảo con mẹ mày nội³ ngày mai không trả tiền tao thì tao đào mả lên đấy. Cái giống⁴ chỉ biết ăn không.

Anh đi Chuột rút hai hàm răng lại. Hai chân giận dữ đạp phắt cái ghế đổ văng xuống đất. Cái tròng rút mạnh lại. Cái bộ xương bọc da giầy giụa như một con gà bị bẫy, sau cùng, nó chỉ còn gật từng cái chậm dưới sợi dây thừng lủng lẳng.

Ở ngoài ngõ, mẹ con chị đi Chuột vừa kêu khóc vừa van lạy. Bà Huyện nhất định bắt mẻ gạo⁵ mới đóng để trừ sáu hào⁶ chị Chuột vay từ hai tháng trước cho chồng uống thuốc.

(Trích Nghèo, Nam Cao, Tuyển tập Nam Cao, NXB Văn học, 2013, tr.20,21)

Chú thích: Tác phẩm Nghèo in trong *Tiểu thuyết thứ bảy*, số 158, ngày 5/6/1937 với bút danh Thúy Rư.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Câu chuyện trong đoạn trích lấy bối cảnh thời gian, không gian nào?

Câu 2: Xác định người kể chuyện, ngôi kể trong đoạn trích?

Câu 3: Đoạn trích được trần thuật theo điểm nhìn nào? Nêu tác dụng của sự thay đổi điểm nhìn?

Câu 4: Thái độ của nhà văn được thể hiện trong đoạn trích?

Câu 5: Đoạn trích viết về đề tài gì? Kể tên chính xác 5 tác phẩm khác của Nam Cao cùng viết về đề tài trên.

Câu 6: Từ cảnh ngộ của gia đình anh đi Chuột, anh/chị có nhận xét như thế nào về đời sống của người dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám?

Câu 7: Anh/chị có đồng tình với hành động lựa chọn cái chết của người cha trong đoạn trích trên không? Vì sao?

Câu 8: Nêu điểm giống nhau trong cách nhìn cuộc sống người nông dân của Nam Cao qua *Nghèo* và *Chí Phèo*, từ đó chỉ ra hạn chế của nhà văn.

II.VIẾT (4.0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật thể hiện qua đoạn trích trong phần đọc hiểu.

-----HẾT-----

Học sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm
Họ, tên học sinh:.....; Số báo danh:.....

³ nội: trong ngày

⁴ cái giống: cái đồ

⁵ mẻ gạo: chỗ gạo, thúng gạo

⁶ hào: đơn vị tính tiền ngày xưa

82

HƯỚNG DẪN CHẤM
(Gồm 05 trang)

Môn kiểm tra: Ngữ văn 11
Ngày kiểm tra:/12/2023

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ KIỂM TRA

- Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình lớp 11.
- Đánh giá việc học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng đọc hiểu thể loại thơ trữ tình, viết bài nghị luận về một tác phẩm thơ trữ tình.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Cách thức tổ chức: Tập trung

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết (Số câu)	Thông hiểu (Số câu)	Vận dụng (Số câu)	Vận dụng cao (Số câu)	
			TL	TL	TL	TL	
1	Đọc	Thơ.	3	3	1	1	60
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một tác phẩm truyện.				1	40
Tỉ lệ điểm các mức độ nhận thức			25%	45%	20%	10%	100%
Tổng % điểm			70%		30%		

IV. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	1. Đọc hiểu	1. Truyện	Nhận biết: - Nhận biết không gian, thời gian.	3 câu	3 câu	1 câu	1 câu

			- Nhận biết được đề tài của tác phẩm. - Nhận biết được người kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn Thông hiểu: - Hiểu được thái độ, tình cảm nhà văn gửi gắm. - Hiểu được tác dụng của sự dịch chuyển (thay đổi điểm nhìn trần thuật). Vận dụng: - Ghi lại chính xác 05 tác phẩm của Nam Cao có cùng đề tài. Vận dụng cao: - Thấy được hạn chế của Nam Cao.				
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một tác phẩm truyện.	Nhận biết: - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả của đoạn trích. - Trình bày được những nội dung khái quát của bài. Thông hiểu: - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của đoạn trích - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.				1 câu TL

		- HS nêu chính xác 2 ý: 0,5 điểm - HS nêu chính xác 1 ý: 0,25 điểm	
5	- Đề tài: Đề tài người nông dân nghèo. - Tác phẩm cùng đề tài: <i>Lão Hạc, Chí Phèo, Dì Hảo, Một bữa no, Lang Rận...</i> (Nam Cao) Chú ý: - HS có thể đưa ra nhiều tác phẩm khác nhau, miễn là của Nam Cao, đúng và chính xác. - HS nêu chính xác tên 1-2 tác phẩm: 0,25 điểm - HS nêu chính xác tên 3-4 tác phẩm: 0,5 điểm - HS nêu chính xác tên 5 tác phẩm: 0,75 điểm - HS nêu sai 1 từ: Không cho điểm.	0,25 0,75	
6	Từ cảnh ngộ của gia đình anh đĩ Chuột, ta có thể thấy đời sống của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng: - Đói khổ, cơ cực, vất vả, lam lũ, nhọc nhằn... - Bế tắc, bị đẩy vào bước đường cùng, thậm chí phải tìm đến cái chết. - HS nêu chính xác 1 ý: 0,25 điểm - HS nêu chính xác 2 ý: 0,5 điểm	0,5	
7	HS có thể đồng tình hoặc không đồng tình. - Nếu đồng tình HS có thể lí giải: Đó là cách duy nhất mà anh có thể làm để vơi đi gánh nặng cho vợ con. Là cách anh thể hiện tình yêu thương với vợ con. Cũng là để anh giải thoát cho chính mình. - Nếu không đồng tình, HS có thể lí giải: Anh đĩ Chuột lựa chọn cái chết là hành động mang tính chất tiêu cực, chỉ giải thoát được cho mình, bằng chứng là anh chết đi, vợ con anh vẫn không có cơm để ăn, vẫn chịu đói, vẫn phải khóc. Cái chết của anh, khiến vợ con anh càng thêm đau đớn, cuộc sống càng bi đát hơn... Hướng dẫn chấm: - HS bày tỏ được quan điểm và lí giải thuyết phục: 1,0 điểm - HS bày tỏ được quan điểm và lí giải tương đối thuyết phục: 0,75 - 0,5 điểm - HS bày tỏ được quan điểm nhưng lí giải chưa thuyết phục: 0,25 điểm - HS không trả lời được: 0 điểm	0,5 	

		- Hạn chế của nhà văn: chưa tìm được lối thoát cho nhân vật, nhân vật rơi vào bế tắc, đường cùng không lối thoát, phải tìm đến cái chết -> Hạn chế chung của các nhà văn trước cách mạng, do chưa giác ngộ ánh sáng của lí tưởng cách mạng.	0,5
II	VIẾT		4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học</i> HS kết hợp được kiến thức và kĩ năng để viết bài văn nghị luận văn học. Bài viết phải có bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) đầy đủ, rõ ràng; đúng kiểu bài nghị luận; Mở bài phải giới thiệu vấn đề cần nghị luận; Thân bài phải triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; Kết bài phải khẳng định vấn đề cần nghị luận. Diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.</i> - Phân tích, đánh giá một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> - HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Sau đây là một hướng gợi ý:	3.0
		* Giới thiệu khái quát về tác giả Nam Cao, tác phẩm <i>Nghèo</i> và vấn đề cần nghị luận.	0.5
		* Tóm tắt nội dung câu chuyện: Tình cảnh khốn khổ của gia đình anh đĩ Chuột trước cách mạng: + Nhà nghèo, đông người, anh đĩ Chuột 6 tháng nay ốm nặng, không đi làm được và rất cần tiền mua thuốc. + Chị đĩ Chuột phải đôn đả ngược xuôi vay tiền mua thuốc cho chồng và mua gạo cho cả gia đình trong cơn đói kém, chị đã vay của bà Huyện 6 hào từ 2 tháng trước + Hai đứa con còn nhỏ dại, ngây thơ, ốm yếu, gầy guộc, đói khát, ăn cám thay cơm + Người cha hiền ra cơ sự ai oán, xót xa thương vợ, thương con, giận mình và cuối cùng đã chọn cái chết đau đớn nhất để bớt đi gánh nặng cho vợ con và giải thoát chính mình. * Những đặc sắc trong nghệ thuật: - Cốt truyện: khá đơn giản: Xoay quanh câu chuyện về gia đình anh đĩ Chuột trong cảnh đói kém, cùng cực. Nhìn vợ con nheo nhóc, đói khổ không có cái ăn mà vì chữa bệnh cho mình còn phải chịu cảnh nợ nần, bị chì chiết, anh đĩ Chuột quyết định tìm đến cái chết để giải thoát. - Tình huống truyện: tình huống éo le:	2,0

	+ Người chồng, người cha rơi vào bước đường cùng lựa chọn cái chết để không trở thành gánh nặng cho vợ con. + Kết thúc là cái chết trong đau đớn, tủ nhục của anh đĩ Chuột nơi góc vườn, trong khi ngoài kia vợ con anh đang khóc lóc van xin, bà Huyện thì chì chiết đòi nợ. -> Tình huống đẩy nhân vật vào tình huống éo le, phải lựa chọn cái chết để mong vợ con bớt khổ; lựa chọn cái chết để giữ chút lòng tự trọng. Qua đó, thể hiện tình cảnh khốn khổ của người nông dân, phẩm chất tốt đẹp và khát vọng sống cho ra sống của họ. -> Tình huống giúp nhà văn khắc họa chân thực tình cảnh thê thảm của người nông dân Việt Nam trước cách mạng, tiếng nói lên án tố cáo xã hội thực dân nửa phong kiến và đòi quyền sống có ý nghĩa cho con người. - Người kể chuyện: Ngôi kể thứ 3 - toàn tri + Kể chân thực, khách quan về tình cảnh đói khổ nhà anh đĩ Chuột, đặc biệt đã khắc họa đầy ám ảnh chi tiết về cái chết của anh Đĩ Chuột trong xã hội vô nhân đạo. + Điểm nhìn chủ yếu từ anh đĩ Chuột giúp khắc họa được nội tâm giằng xé đau đớn, sự bế tắc, tuyệt vọng của nhân vật, khi anh ta chứng kiến nỗi khổ của vợ con, tình cảnh bi đát của gia đình, day dứt vì nghĩ nguyên nhân là do mình để rồi đưa ra lựa chọn bi kịch. + Giọng kể vừa khách quan, lạnh lùng vừa trần trụi, dằn vặt, suy tư. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: nhân vật hiện lên chủ yếu qua ngôn ngữ, hành động và diễn biến tâm trạng. + Ngôn ngữ nhân vật chân thực, mộc mạc, mang đặc trưng của người nông dân. + Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật: anh đĩ Chuột khi quyết định tự tử với những đau đớn và giằng xé nội tâm. * Đánh giá chung về phong cách nghệ thuật Nam Cao; tác dụng của nghệ thuật tự sự trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm: - Truyện ngắn Nam Cao thường khai thác những đề tài nhỏ nhất trong đời sống qua đó thể hiện tính chất triết lí và ý nghĩa khái quát xã hội to lớn. Truyện ngắn <i>Nghèo</i> viết về cái đói và câu chuyện sinh hoạt đời thường ở nhà anh đĩ Chuột, nhưng qua đó ta thấy được giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc. + Giá trị hiện thực: Phản ánh số phận bi thương của người nông dân Việt Nam trước CMT8/1945: Nghèo – bần cùng hóa	0,5
--	--	-----

	– tự tử (So sánh với một số tác phẩm khác của Nam Cao như <i>Chí Phèo</i>, <i>Lão Hạc</i>, <i>Một bữa no...</i>) + Giá trị nhân đạo: ++ Cảm thông, thương xót cho số phận người nông dân Việt Nam trước CMT8/1945. ++ Lên tiếng tố cáo tội ác của chế độ thực dân phong kiến. ++ Đề cao, trân trọng tình cảm gia đình: nghĩa vợ chồng, tình cha con. ++ Đặt ra vấn đề: Làm thế nào để người nông dân không chết vì đói vì nghèo. - Giọng văn lạnh lùng tỉnh táo mà thấm đẫm yêu thương, đan xen đối thoại, độc thoại nội tâm, ngôn ngữ trần thuật đa thanh đan xen lời kể của nhà văn và lời nhân vật.... Hướng dẫn chấm: - <i>Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm.</i> - <i>Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm.</i> - <i>Trình bày chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.</i>	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, mới mẻ.	0,25
	Tổng điểm	10,0